TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 3 - 2021
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Kim Quy;
2. Ông Phạm Thế Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số nhà 159, thôn D, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L. Tên gọi khác: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số nhà 159, thôn D, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu C trình bày:

Anh Nguyễn Hữu C kết hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc L ngày 09/4/2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, việc anh C kết hôn với chị L là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn anh C và chị L chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, trong cuộc

sống không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay anh C thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vì vậy anh C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K giải quyết cho anh ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh C và chị L có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh V1, sinh ngày 07/10/2008 và Nguyễn Thị Thanh V2, sinh ngày 05/9/2012. Khi ly hôn anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Thanh V2, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Giao con Nguyễn Thị Thanh V1 cho chị L trực tiếp nuôi.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh C xác định hiện nay anh và chị L không nợ ai khoản nợ nào.

Tại bản tự khai ngày 25/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Chị Nguyễn Thị Ngọc L kết hôn với anh Nguyễn Hữu C ngày 09/4/2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, việc chị L kết hôn với anh C là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị L và anh C sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách vợ chồng không hợp nhau, anh C nghi ngờ chị L có quan hệ ngoại tình nên đánh đập, chửi bới chị L, do đó giữa chị L và anh C không còn tình cảm, không còn yêu thương, tôn trọng nhau. Nay anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị L, chị L không đồng ý ly hôn, vì các con của chị và anh C còn nhỏ cần sự chăm sóc của bố mẹ và chị L không muốn hai con nhỏ phải sống xa nhau.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị L và anh C có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh V1, sinh ngày 07/10/2008 và Nguyễn Thị Thanh V2, sinh ngày 05/9/2012. Nếu Tòa án giải quyết cho anh C ly hôn với chị, chị yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L xác định hiện nay chị và anh C không nợ ai khoản nợ nào.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và về việc giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 56, 81 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Hữu C, cho anh C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc L.

Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Thanh V2 cho anh C trực tiếp nuôi. Giao con Nguyễn Thị Thanh V1 cho chị L trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C và chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Nguyễn Hữu C khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc L và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Thanh Vy. Đây là quan hệ tranh chấp "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*". Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L cư trú tại: Thôn D, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Đối với yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hữu C: Anh Nguyễn Hữu C và chị Nguyễn Thị Ngọc L kết hôn với nhau ngày 09/4/2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh C và chị L chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng anh C và chị L bất đồng quan điểm, trong cuộc sống vợ chồng không hòa hợp và không tìm được tiếng nói chung. Qua xác minh tại thôn D, xã D, huyện K, nơi anh C, chị L cư trú, thể hiện vợ chồng anh C, chị L xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019 cho đến nay, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh C và chị L kéo dài, trầm trọng và không thể khắc phục được.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh C và chị L không còn tình cảm, thương yêu, tôn trọng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C, cho anh C được ly hôn chị L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu về nuôi con chung: Anh C và chị L có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh V1, sinh ngày 07/10/2008 và Nguyễn Thị Thanh V2, sinh ngày

05/9/2012. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Thanh V1, giao con chung Nguyễn Thị Thanh V2 cho chị L trực tiếp nuôi.

Xét điều kiện, hoàn cảnh của chị L và anh C đều có công việc và thu nhập ổn định, xét nguyện vọng của các cháu Nguyễn Thị Thanh V1 và Nguyễn Thị Thanh V2, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, để đảm bảo cho các con chung của anh C, chị L có nơi ở, sinh hoạt, học tập ổn định, cũng như nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Thanh V1 cho anh C trực tiếp nuôi, giao cháu Nguyễn Thị Thanh V2 cho chị L trực tiếp nuôi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh C, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mình không trực tiếp nuôi mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh C và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh C và chị L xác định hiện nay anh, chị không nợ ai khoản nợ nào.

Nên về tài sản và nợ chung của anh C và chị L, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Hữu C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hữu C.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu C và chị Nguyễn Thị Ngọc L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Thanh V2, sinh ngày 07/10/2008 cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp nuôi. Giao con chung Nguyễn Thị Thanh V1, sinh ngày 05/9/2012 cho anh Nguyễn Hữu C trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Hữu C và chị Nguyễn Thị Ngọc L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Hữu C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mình không trực tiếp nuôi mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu tạm ứng án phí số 14812 ngày 10/11/2020.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- CCTHADS huyện Krông Ana;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Ngọc